

GIẢI PHÁP GIÚP PHỤC HỒI KINH TẾ VIỆT NAM SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

● NGUYỄN THANH HUYỀN

TÓM TẮT:

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử của tất cả các nước kể cả các nền kinh tế lớn, tốc độ tăng trưởng đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Ở Việt Nam, đợt bùng phát dịch lần thứ tư bắt đầu từ cuối tháng 4/2021 đang gây sức ép nặng nề lên mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Thực tế đó đang đòi hỏi các giải pháp phù hợp để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, phục hồi kinh tế.

Từ khóa: giải pháp, phục hồi kinh tế, sau đại dịch Covid-19, Việt Nam.

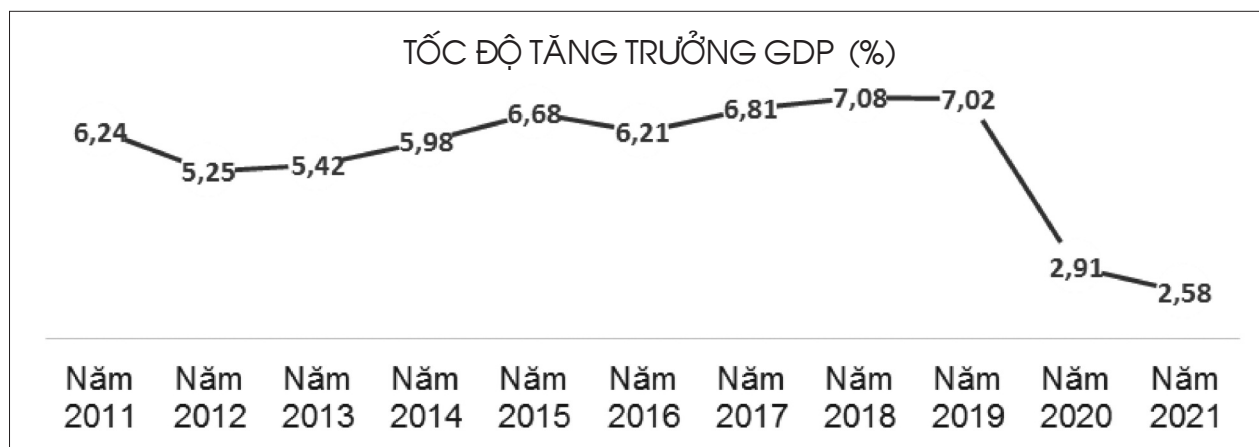
1. Thực trạng kinh tế Việt Nam dưới tác động của đại dịch Covid-19

Dịch Covid-19 khởi phát tại Trung Quốc từ tháng 12/2019 rồi lan ra hầu hết các nước đã làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội của toàn thế giới. Ở Việt Nam, đại dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân. Cùng nhìn lại một số chỉ tiêu kinh tế trong 2 năm 2020 và năm 2021 và so sánh với các năm trước đó ở giai đoạn 2011-2021 để thấy rõ điều này.

Tốc độ tăng trưởng GDP vẫn duy trì ở mức dương, song có sự sụt giảm đáng kể

Với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng GDP năm 2021 dương, song đạt mức thấp nhất trong giai đoạn 2011-2021. (Biểu đồ 1)

GDP năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Đặc biệt, đợt bùng phát dịch lần thứ tư bắt đầu từ ngày 27/4/2021 đã tác động nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân ở hầu hết các tỉnh, thành phố, đặc biệt là tại các tỉnh, thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Dương, Đồng Nai..., nơi tập trung đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các doanh nghiệp lớn trong chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp nhiều cho phát triển kinh tế và thu ngân sách. GDP quý III năm 2021 giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngoại trừ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt tăng trưởng dương 1,04% nhưng vẫn rất thấp trong 10 năm qua (chỉ cao hơn mức tăng trưởng 0,97% của 9 tháng năm 2016). Khu vực công nghiệp và xây dựng; Khu vực dịch vụ đều giảm GDP lần lượt là 5,02%

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2021

Nguồn: Tổng cục Thống kê

và 9,28%. Sang quý IV, nền kinh tế có dấu hiệu khởi sắc, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV năm 2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011-2019. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%; khu vực dịch vụ tăng 5,42%. Về sử dụng GDP, quý IV năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 3,37%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,28%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 11,36%.

Thu hút vốn đầu tư phát triển của khu vực ngoài nhà nước và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thấp

Với lợi thế cạnh tranh, môi trường đầu tư thông thoáng, môi trường chính trị ổn định, môi trường kinh tế vĩ mô phát triển ổn định, nguồn nhân lực dồi dào với chi phí thấp, đặc biệt là sau khi tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, Việt Nam là một trong những quốc gia hấp dẫn với nhà đầu tư nước ngoài. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam có sự gia tăng mạnh mẽ và liên tục. Sang năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng nên vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam có sự sụt giảm, chỉ đạt 28,53 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Năm 2021, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt

Nam tính đến ngày 20/12/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020, song vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2021, ước đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm trước. (Bảng 1)

Bảng 1. Số lượng vốn và dự án FDI vào Việt Nam giai đoạn 2011-2021

Năm	Tổng vốn FDI đăng ký (Tỷ USD)	Vốn FDI thực hiện (Tỷ USD)	Số dự án đăng ký mới
2011	15.60	11.00	1186
2012	16.35	10.46	1287
2013	22.35	11.50	1530
2014	21.92	12.50	1843
2015	22.70	14.50	2013
2016	26.90	15.80	2613
2017	30.80	17.50	2741
2018	26.30	19.10	3147
2019	38.95	20.38	3883
2020	28.53	19.98	2523
2021	31.15	19.74	1738

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài

Hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, làm cho tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm tăng lên

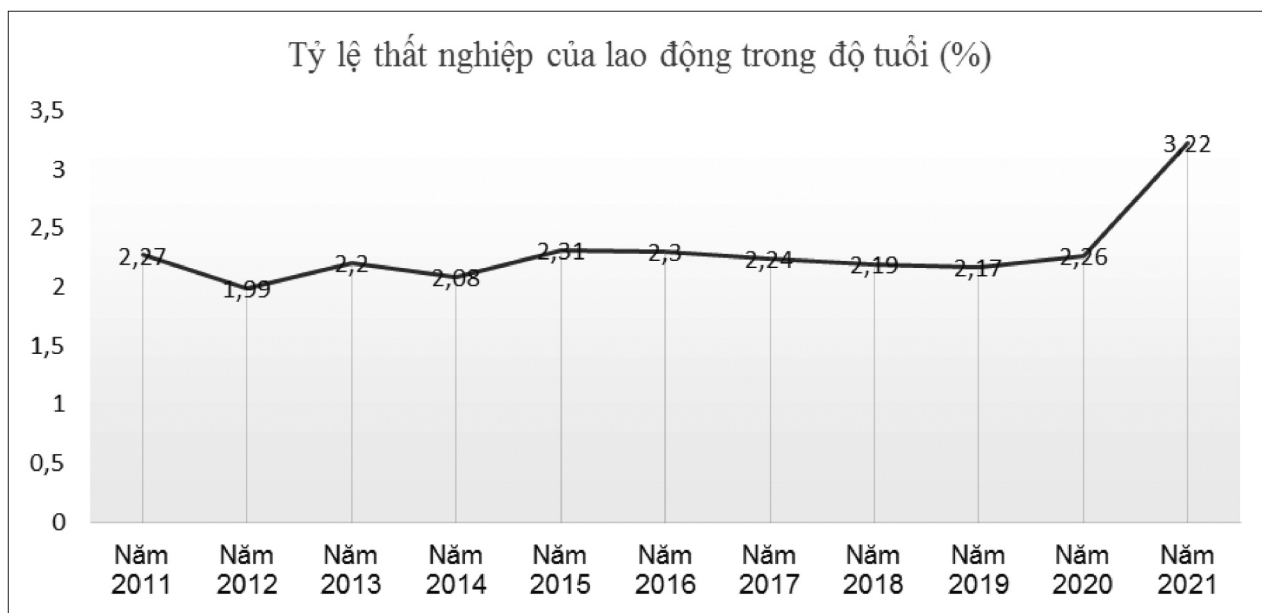
Đại dịch Covid-19 bùng phát đã khiến cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ gặp rất nhiều khó khăn, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm, trong khi số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh hoặc giải thể có xu hướng tăng lên. Cụ thể, năm 2020, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm 2,3% so với năm 2019; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể tăng 13,9%. Phần lớn các doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh và đã giải thể hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; những doanh nghiệp quy mô lớn rút lui khỏi thị trường nhiều hơn. Trong năm 2021, có 116.800 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký hơn 1,6 triệu tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 854.000 lao động, giảm 13,4% về số doanh nghiệp, giảm 27,9% về vốn đăng ký và giảm 18,1% về số lao động so với năm trước. Bên cạnh đó, có 43.100 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động năm 2021 lên gần 160.000 doanh nghiệp, giảm 10,7% so với năm

trước. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn gần 55.000 doanh nghiệp, tăng 18% so với năm trước; 48.100 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 27,8%; 16.700 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 4,1%. Doanh nghiệp bị ảnh hưởng trên diện rộng, đáng kể nhất là với các doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp nhỏ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (sau đây gọi tắt là hợp tác xã) cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hơn 90% số hợp tác xã bị giảm doanh thu và lợi nhuận.

Hệ quả tất yếu của việc nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động hoặc bị giải thể do dịch bệnh là nhiều lao động bị cắt giảm, số lao động phải nghỉ việc không lương chiếm hơn 50% tổng số lao động. Số liệu của Tổng cục Thống kê đã cho thấy, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động trong năm 2020 và năm 2021, đặc biệt là năm 2021 chiếm cao nhất trong vòng 10 năm qua. (Biểu đồ 2)

Tính chung cả năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp ước khoảng 2,26%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,61%; khu vực nông thôn là 1,59%; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,48%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,88%; khu vực nông thôn là 1,75%. Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 50,5 triệu người, giảm 0,8 triệu

Biểu đồ 2: Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giai đoạn 2011-2021



Nguồn: Tổng cục Thống kê

người so với năm trước; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 3,22%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 4,42%; khu vực nông thôn là 2,48%. Riêng quý IV năm 2021, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 3,56%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị cao hơn so với khu vực nông thôn (tương ứng là 4,06% và 2,95%). Đây là quý thứ 3 liên tiếp thị trường lao động chứng kiến tình trạng tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn. Tình trạng này trái ngược với xu hướng thị trường lao động trong những năm trước đại dịch Covid-19.

2. Đánh giá chung về các cơ chế, chính sách đã được ban hành để ứng phó với tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế - xã hội

Để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, phục hồi kinh tế, Bộ Chính trị, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp với tổng thể các biện pháp nhằm kịp thời ứng phó với dịch bệnh, như: giảm lãi suất; cơ cấu lại nợ; giảm, giãn nộp thuế, bảo hiểm xã hội; miễn, giảm phí một số dịch vụ công; giảm, giãn nộp tiền thuê đất,... và đặc biệt là đã đưa ra gói hỗ trợ an sinh 62.000 tỷ đồng lớn chưa từng có.

Nhìn chung, những chính sách, giải pháp đã ban hành có sự kết hợp giữa chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách hỗ trợ ngành hoặc an sinh xã hội khác. Trong đó, bao gồm nhóm giải pháp ngắn hạn, cơ chế, chính sách trong một số ngành, lĩnh vực cụ thể, nhóm giải pháp căn cơ, dài hạn để tháo gỡ khó khăn cho tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; cơ bản phù hợp diễn biến và tác động của dịch bệnh, tương đồng với cách tiếp cận mới của nhiều quốc gia trên thế giới, được người dân và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Các chính sách được thực hiện với chi phí thấp, do vậy không gây ảnh hưởng đến các cân đối lớn của nền kinh tế, đồng thời bảo lưu dư địa để tiếp tục xây dựng, thực hiện các giải pháp trong giai đoạn tiếp theo. Kết quả, đã góp phần quan trọng giúp ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, giúp Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế dương trong 2 năm 2020 và 2021, duy trì triển vọng kinh tế tích cực của đất nước trong trung và dài hạn, củng cố niềm

tin của người dân, doanh nghiệp vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh tính hiệu quả, tích cực của các chính sách, giải pháp đã ban hành, trong quá trình tổ chức thực thi cũng cho thấy tồn tại một số hạn chế, vướng mắc, như:

- Việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số biện pháp do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành còn chưa kịp thời, việc triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách còn chậm, hiệu quả tổ chức thực hiện một số chính sách chưa cao;

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thấp do giai đoạn đầu áp dụng điều kiện, tiêu chuẩn còn quá cao, quy trình, thủ tục rườm rà, thiếu linh hoạt;

- Thông tin, hướng dẫn chưa kịp thời đến doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, hợp tác xã khó tiếp cận, chưa phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp.

- Nhiều khó khăn tích tụ đến nay không chỉ là vấn đề của riêng doanh nghiệp mà trở thành vấn đề chung của ngành, lĩnh vực. Nhiều chính sách hiện nay còn mang tính ứng phó trước mắt, có thời hạn áp dụng hạn chế, chưa có chính sách có quy mô lớn, có tính chất dài hạn tập trung cho từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

3. Một số giải pháp nhằm phục hồi phát triển kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Trong thời gian tới, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh chiến dịch tiêm vắc xin cho toàn dân, cần tổ chức thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau để phát triển kinh tế:

Thứ nhất, tiếp tục rà soát, hoàn thiện và nâng cao tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật để phát hiện những nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, qua đó khẩn trương xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu khai thông điểm nghẽn, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, các quy định không cần thiết, không hợp lý, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân.

Thứ hai, cải thiện môi trường kinh doanh thúc đẩy phục hồi kinh tế và gia tăng sức chống chịu sau đại dịch Covid-19.

Một môi trường kinh doanh thuận lợi có ý nghĩa quan trọng đối với sức chống chịu lâu dài của nền kinh tế và giúp phục hồi nhanh chóng sau khủng hoảng. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 hiện nay, việc tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh là điều cực kỳ quan trọng, bảo đảm khôi phục kinh tế và phục hồi niềm tin của các nhà đầu tư. Về trung và dài hạn, môi trường kinh doanh sẽ tác động đến cách thức vượt qua đại dịch và mức độ tận dụng cơ hội của các doanh nghiệp khi bắt đầu quá trình phục hồi. Do đó, ở đâu có quy định pháp luật hiệu quả, dự đoán được, tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng thúc đẩy cạnh tranh; có thể chế bảo đảm bảo vệ tài sản và các quyền giao kết hợp đồng thì ở đó, dễ dàng khởi sự kinh doanh, thích nghi với các quy định mới và nhanh chóng chuyển dịch các hoạt động kinh doanh đáp ứng nhu cầu mới của thị trường.

Chất lượng môi trường kinh doanh cũng có vai trò quan trọng đối với đầu tư nước ngoài và sự kiên kết của các doanh nghiệp nội địa với các chuỗi cung ứng toàn cầu. Thực tế cho thấy, cải thiện hiệu quả các quy định về thị trường hàng hóa và tạo thuận lợi cho kinh doanh sẽ hỗ trợ mạnh đối với phục hồi kinh tế sau khủng hoảng.

Thứ ba, chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành thu chi ngân sách.

Cần thường xuyên chủ động rà soát các khoản thu ngân sách, nhất là thu thuế, phí, thu khai thác khoáng sản, vãng lai, thu từ tiền sử dụng đất đối với các dự án chưa nộp. Triệt để thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để ưu tiên dành nguồn chi đầu tư phát triển, tiết kiệm chi hành chính, hội họp, đi công tác; đồng thời bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống dịch và tăng chi tiêu cho an sinh xã hội.

Thứ tư, đẩy mạnh hoàn thiện thủ tục đầu tư, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công là biện pháp quan trọng hàng đầu để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhất là các dự án trọng điểm, dự án khởi công mới. Do vậy, cần khẩn trương phân bổ và giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ, dự án đúng quy định, phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân, bảo

đảm trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún, kéo dài. Trong thực hiện cần chủ động có kế hoạch và giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công; thanh toán vốn cho dự án ngay khi có khối lượng nghiệm thu theo quy định; chủ động điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn.

Thứ năm, tăng chi cho an sinh xã hội và hỗ trợ việc làm cho người lao động.

Cần rà soát và có chính sách hỗ trợ phù hợp với người có hoàn cảnh khó khăn do tác động của dịch bệnh, đặc biệt tăng cường hỗ trợ trực tiếp cho các nhóm dễ bị tổn thương như lao động phi chính thức và đối tượng thất nghiệp; Hỗ trợ chi phí thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp thuộc các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất; Cho người lao động vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội;... Việc triển khai các hỗ trợ cần phải linh hoạt hơn để đảm bảo tiền hỗ trợ được chuyển nhanh chóng và kịp thời đến các nhóm đối tượng được thụ hưởng.

Bên cạnh đó, cũng cần có chính sách hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại người lao động; Nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động; Nâng cao năng lực các trung tâm dịch vụ việc làm, trường nghề chất lượng cao,... để góp phần hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động.

Thứ sáu, hỗ trợ phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Hỗ trợ phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ), hợp tác xã, hộ kinh doanh bằng cách tiếp tục thực hiện các chính sách miễn thuế, giảm thuế, gia hạn thuế, phí, lệ phí, các chính sách cơ cấu lại nợ; Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp, tiếp tục cơ cấu lại nợ, giữ nguyên nhóm nợ; Tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động của các ngân hàng thương mại để có dư địa giảm mặt bằng lãi suất cho vay, nhất là trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên; Có chính sách hỗ trợ phù hợp cho một số ngành, lĩnh vực ưu tiên như sản xuất và chế biến nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ vận tải, du lịch, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, phát triển khu công nghiệp, khu công nghệ cao, xuất khẩu bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tổng cục Thống kê, (2021), “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021”.
2. Nguyễn Đình Cung, (2021), “Cải cách môi trường kinh doanh để vượt qua đại dịch và phục hồi kinh tế”, *nhandan.com.vn*.
3. <https://tuoitre.vn> > 5- giai-phap-cap-bach-can-lam-de-kinh-te-phuc-hoi-chuyen-bien-tichcuc.
4. <https://quochoi.vn/ct-vuong-dinh-hue/Pages/qua-trinh-cong-tac.aspx?ItemID=59241>.

Ngày nhận bài: 10/11/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/12/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/12/2021

Thông tin tác giả:

TS. NGUYỄN THANH HUYỀN

Trường Đại học Thương mại

ECONOMIC RECOVERY SOLUTIONS FOR VIETNAM IN THE POST-COVID-19 PANDEMIC

● Ph.D **NGUYEN THANH HUYEN**
Thuongmai University

ABSTRACT:

The COVID-19 pandemic's complicated developments have disrupted socio-economic activities around the world. The world economy is forecasted to face the most severe recession, even major economies have experienced record economic plunges due to the pandemic. In Vietnam, the fourth outbreak starting from the end of April 2021 has caused severely socio-economic impacts. Hence, it is necessary for Vietnam to have appropriate solutions to overcome challenges posed by the pandemic, promote production and business development and economic recovery.

Keywords: solutions, economic recovery, the post-COVID-19 pandemic, Vietnam.